TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41**/2025/DS-ST
Ngày: 09-4-2025
v/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Bành Văn Hải.

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Đào.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Mai Lan Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 519/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ T, sinh năm 1995. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 45, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo hợp pháp của nguyên đơn: Ông Khúc T, sinh năm 1994, là người đại diện theo uỷ quyền. (văn bản uỷ quyền ngày 25-10-2024) (có đơn đề nghị vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố 5, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Chị Trần N, sinh năm 1995. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 8, ấp K, xã C Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình cung cấp chứng cứ, người đại diện

theo uỷ quyền của nguyên đơn, anh Khúc T trình bày:

Chị Hồ T và chị Trần N có mối quan hệ quen biết bình thường ngoài xã hội, không phải bà con thân thích. Ngày 11-3-2024 chị N có gặp chị T để đề nghị vay số tiền 130.000.000 đồng với mục đích trả tiền lãi cho ngân hàng. Chị T đồng ý vì vậy hai bên lập giấy vay tiền đề ngày 11-3-2024 có nội dung: Chị N vay của chị T số tiền 130.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày vay, không thoả thuận lãi suất vì do là chỗ quen biết và chị N vay thời gian ngắn nên chị T không tính lãi. Sau khi chị N ký tên và ghi rõ họ tên trên giấy vay tiền thì chị T đã giao số tiền 130.000.000 đồng bằng tiền mặt trực tiếp cho chị N. Khi hết thời hạn vay thì chị N có liên lạc với chị T để yêu cầu trả tiền thì vào ngày 10-8-2024 chị N có chuyển trả cho chị T 20.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản thông qua tài khoản của ngân hàng Techcombank. Số tiền còn nợ lại là 110.000.000 đồng thì chị N chỉ hứa hẹn chứ không thực hiện trả. Sau đó thì chị T đã đến trực tiếp nhà của chị N nhưng chị N không có mặt và không liên lạc được. Từ ngày hết thời hạn vay là ngày 12-6-2024 cho đến nay thì chị T vẫn không trả cho chị N số tiền nợ gốc như đã thoả thuận. Do đó nay chị T yêu cầu chị N trả số tiền nợ vay gốc là 110.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật từ ngày 12-6-2024 cho đến ngày Toà án giải quyết vụ án.

Bị đơn chị Trần N đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử nhưng chị N vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ T đối với chị Trần N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Buộc chị Trần N có trách nhiệm trả cho chị Hồ T số tiền vay còn nợ là 110.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật. Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hồ T khởi kiện yêu cầu chị Trần N có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay và tiền lãi chậm trả. Chị N có nơi cư trú tại ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, anh Khúc T có đơn đề nghị vắng mặt; bị đơn chị Trần N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa . Vì vậy căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Đối với tiền nợ gốc: Chị Hồ T trình bày, do có mối quan hệ quen biết nên chị T có cho chị Trần N vay tiền. Chị T cung cấp một giấy vay tiền đề ngày 11-3-2024 có nội dung: Chị N vay của chị T số tiền 130.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, không thoả thuận lãi suất. Xét thấy việc ký kết giấy vay tiền trên giữa chị T và chị N là phù hợp với quy định của Điều 116, 119, 463 của Bộ luật Dân sự. Quá trình giải quyết vụ án thì chị T xác định sau khi các bên lập giấy vay tiền thì đã giao số tiền 130.000.000 đồng cho chị N, tuy nhiên khi đến thời hạn trả nợ thì chị N không trả tiền cho chị T theo thoả thuận, đến ngày 10-8-2024 thì chị N có chuyển khoản trả cho chị T 20.000.000 đồng (BL 26), như vậy chị N còn nợ lại số tiền là 110.000.000 đồng. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án thì chị Trần N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần và thông báo yêu cầu khởi kiện, tài liệu, chứng cứ do chị T cung cấp nhưng chị N vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến, như vậy xem như chị N không phản đối đối với tình tiết, chứng cứ của chị T, do đó đây là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy căn cứ Điều 466, 470 của Bộ luật Dân sự thì buộc chị N phải có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền nợ vay 110.000.000 đồng là phù hợp.

[3.2] Đối với tiền lãi chậm trả: Khi đến thời hạn trả nợ là ngày 11-6-2024 thì chị N không trả tiền cho chị T như thoả thuận, đến ngày 10-8-2024 thì trả được 20.000.000 đồng. Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa chị T và chị N là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Do chị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 5, điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thì chị N phải trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, nghĩa là chị N phải trả tiền lãi 10%/năm đối với số tiền 130.000.000 đồng từ ngày 12-6-2024 đến ngày 10-8-2024 và đối với số tiền 110.000.000 đồng từ ngày 11-8-2024 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án thì người đại diện theo uỷ quyền của chị T chỉ yêu cầu chị N trả tiền lãi chậm trả từ ngày 12-6-2024 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm đối với số tiền 110.000.000 đồng. Thấy rằng, yêu cầu chị chị T là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, vì vậy chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi chậm trả của chị T là có căn cứ. Tiền lãi chậm trả cụ thể như sau: Từ ngày 12-6-2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (09-4-2025) là 10 tháng 28 ngày x 110.000.000 đồng x 10%/năm = 10.022.221 đồng.

[3.3] Căn cứ mục [3.1] và [3.2] thì buộc chị Trần N có nghĩa vụ trả cho chị

Hồ T số tiền tổng cộng là 120.022.221 đồng, trong đó tiền nợ vay gốc là 110.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 10.022.221 đồng.

[4] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu là phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử, do đó có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thì chị Hồ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, cụ thể như sau: 120.022.221 đồng x 5% = 6.001.000 đồng (đã làm tròn). Chị Hồ T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 5, 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ T đối với chị Trần N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc chị Trần N có nghĩa vụ trả cho chị Hồ T số tiền tổng cộng là 120.022.221 (Một trăm hai mươi triệu không trăm hai mươi hai ngàn hai trăm hai mươi mốt) đồng, trong đó tiền nợ vay gốc là 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng và tiền lãi chậm trả là 10.022.221 (Mười triệu không trăm hai mươi hai ngàn hai trăm hai mươi mốt) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Trần N phải chịu 6.001.000 (Sáu triệu không trăm lẻ một ngàn) đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho chị Hồ T tiền tạm ứng án phí là 2.750.000 (Hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0008279 ngày 07-11-2024.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự

vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- Chi cục THADS Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Hoàng Nam